

Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo của Ban Điều hành
và Các Báo cáo tài chính hợp nhất

tại ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày
01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Tập đoàn Bảo Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 35

Tập đoàn Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2009 đến 31 tháng 03 năm 2009.

TẬP ĐOÀN

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2007, Tập đoàn Bảo Việt được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103020065 chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Một số thông tin quan trọng của công ty bao gồm:

Tên công ty:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ:	Số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.
Vốn điều lệ:	5.730.266.050.000 đồng Việt Nam
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính (444.300.000 cổ phiếu, tương đương 77,54% vốn điều lệ) HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited (57.302.661 cổ phiếu, tương đương 10,00% vốn điều lệ) Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (20.400.000 cổ phiếu, tương đương 3,56% vốn điều lệ)
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn Bảo Việt có một trụ sở chính tại Hà Nội và hai công ty con sở hữu 100% vốn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt có trụ sở chính tại 35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ có trụ sở chính tại số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội. Tập đoàn Bảo Việt cũng có một công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”) có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các công ty con khác của Tập đoàn bao gồm Công ty Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Baoviet Bank”) có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVIns”) có trụ sở chính tại 71 phố Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội; Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc (“Bảo Việt – Âu Lạc”) có trụ sở tại Hà Liễu – Phương Liễu - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh.

Tập đoàn cũng có một đơn vị hạch toán phụ thuộc, là Trung tâm Đào tạo Bảo Việt, có trụ sở tại số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009 của Tập đoàn là 277.962.392.804 đồng Việt Nam.

Tập đoàn Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày được bổ nhiệm</i>
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch	Ngày 04 tháng 10 năm 2007
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Trần Hữu Tiến	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông David Lawrence Fried	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Quốc Ánh	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007

Các thành viên Ban điều hành trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày được bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2008
Ông Phạm Khắc Dũng	Giám đốc Hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2008
Ông Lưu Thanh Tâm	Giám đốc Bất động sản	Ngày 30 tháng 6 năm 2008
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	Ngày 30 tháng 6 năm 2008
Ông Dương Đức Chuyển	Giám đốc Chiến lược	Ngày 30 tháng 6 năm 2008
Ông Alan Royal	Giám đốc Công nghệ thông tin	Ngày 08 tháng 9 năm 2008

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động tại ngày 31 tháng 03 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 31 tháng 03 năm 2009. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành đã:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn Bảo Việt, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn Bảo Việt và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tập đoàn Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 phù hợp với các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 4, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Điều hành:

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.286.312.971.721	9.240.785.580.591
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.323.934.232.962	480.836.990.174
111	1. Tiền		518.700.601.133	425.836.990.174
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.805.233.631.829	55.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		7.503.026.152.279	6.553.383.666.012
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8.317.304.852.464	7.532.933.455.546
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(814.278.700.185)	(979.549.789.534)
130	III. Các khoản phải thu		2.386.466.656.354	2.142.913.123.378
131	1. Phải thu khách hàng		2.012.227.064.102	1.844.707.942.265
132	2. Trả trước cho người bán		65.386.179.761	85.476.953.156
138	3. Các khoản phải thu khác		331.277.979.645	234.634.553.821
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(22.424.567.154)	(21.906.325.864)
140	IV. Hàng tồn kho		25.083.888.453	24.620.153.079
141	1. Hàng tồn kho		25.083.888.453	24.620.153.079
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.802.041.673	39.031.647.948
151	1. Tạm ứng		36.382.397.903	30.720.937.225
152	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.419.643.770	6.884.008.763
153	3. Tài sản thiếu chờ xử lý			137.942.020
154	4. Các khoản ký quỹ, cầm cố, thế chấp ngắn hạn		-	131.946.400
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.156.813.540

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.828.340.610.110	16.076.789.827.355
210	I. Tài sản cố định		1.438.714.394.958	1.208.962.426.952
211	1. Tài sản cố định hữu hình		489.667.777.818	449.320.961.350
212	Nguyên giá		972.882.158.737	913.178.189.403
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(483.214.380.919)	(463.857.228.053)
217	2. Tài sản cố định vô hình		504.151.488.282	460.102.383.374
218	Nguyên giá		541.824.928.020	494.464.745.098
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(37.673.439.738)	(34.362.361.724)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6	444.895.128.858	299.539.082.228
240	II. Bất động sản đầu tư	7	23.448.947.000	23.448.947.000
241	Nguyên giá		23.448.947.000	23.448.947.000
242	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	14.311.261.810.834	14.787.789.134.320
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		259.968.357.361	254.445.095.067
258	2. Đầu tư dài hạn khác		14.263.302.879.825	14.749.224.268.905
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(212.009.426.352)	(215.880.229.652)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		54.915.457.318	56.589.319.083
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		17.047.689.623	18.692.585.177
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		5.215.344.826	6.857.264.826
241	3. Tài sản ký quỹ dài hạn		21.902.304.117	23.544.891.651
242	4. Tài sản dài hạn khác		10.750.118.752	7.494.577.429
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.114.653.581.831	25.317.575.407.946

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		18.946.609.050.313	16.526.705.083.134
310	I. Nợ ngắn hạn		3.002.138.896.400	1.039.136.692.088
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	423.954.000.000	-
312	2. Phải trả người bán	10	1.607.689.228.126	574.763.626.611
313	3. Người mua trả tiền trước		30.578.447.153	83.352.799.859
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		20.563.340.007	101.161.318.444
315	5. Phải trả người lao động		74.145.897.908	125.518.508.376
316	6. Chi phí phải trả		-	707.410.431
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	845.207.983.206	153.633.028.367
320	II. Nợ dài hạn		47.286.631.460	47.074.847.732
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		945.805.444	945.805.444
343	2. Kỳ quỹ, ký cược dài hạn		21.817.143.633	21.541.973.411
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		24.523.682.383	24.587.068.877
330	III. Dự phòng nghiệp vụ	15	15.897.183.522.453	15.440.493.543.314
331	1. Dự phòng phí chưa được hưởng		1.908.296.492.164	1.810.127.782.985
333	2. Dự phòng bồi thường		934.806.730.676	899.888.531.738
334	3. Dự phòng dao động lớn		122.974.831.671	95.439.760.649
332	4. Dự phòng toán học		12.338.078.244.444	12.092.010.244.444
335	5. Dự phòng chia lãi		580.846.019.579	530.846.019.579
336	6. Dự phòng đảm bảo cân đối		12.181.203.919	12.181.203.919
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.928.795.759.876	8.301.511.202.912
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	7.893.035.286.750	8.265.011.167.953
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.838.247.621.144	1.840.007.252.773
413	3. Cổ phiếu ngân quỹ		-	901.691.533
415	4. Chênh lệch tỷ giá		16.352.504.941	16.075.608.000
416	5. Quỹ đầu tư phát triển		8.580.855.569	8.609.458.421
417	6. Quỹ dự phòng tài chính		8.580.855.569	8.609.458.421
418	7. Quỹ dự trữ bắt buộc		19.421.952.736	17.067.266.899
419	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		271.585.446.791	643.474.381.906
420	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		35.760.473.126	36.500.034.959
421	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		35.760.473.126	36.500.034.959
500	C. Lợi ích cổ đông thiểu số	13	1.239.248.771.642	489.359.121.900
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.114.653.581.831	25.317.575.407.946

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (đồng Việt Nam)	275.292.144.611	141.839.077.571
2. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	4.401.672.856	4.401.672.856
3. Ngoại tệ các loại (đô la Mỹ)	2.832.371,11	9.802.339
4. Chứng khoán lưu ký của các tổ chức trong nước (đồng Việt Nam)	15.560.352.365.000	14.810.016.225.000
5. Hàng hóa ký gửi (đồng Việt Nam)	-	300.000.000

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 4 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
01	Thu phí bảo hiểm gốc	14.1	1.722.370.019.104	8.114.161.109.283
02	Thu phí nhận tái bảo hiểm	14.2	24.955.369.185	166.511.215.608
03	Các khoản giảm trừ doanh thu	14.3	(258.383.682.520)	(1.269.741.269.847)
04	Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm		(246.018.721.309)	(1.227.008.992.121)
05	Giảm phí		(343.289.867)	(2.491.950.484)
06	Hoàn phí		(12.021.671.344)	(40.240.327.242)
08	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học		(98.226.104.179)	(433.388.776.372)
09	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		31.846.146.844	166.682.780.794
10	Thu nhập khác		1.098.036.382	21.878.164.890
11	Thu khác nhận tái bảo hiểm		33.160.282	10.437.811.891
12	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		18.878.574	5.519.806.006
13	Thu hoạt động khác		1.045.997.526	5.920.546.993
14	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01+02+03+08+09+10)		1.423.659.784.816	6.766.103.224.356
15	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	15	(856.941.618.706)	(4.950.625.026.365)
16	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	15	(6.539.947.456)	(60.384.632.712)
17	Các khoản giảm trừ chi phí		59.817.976.549	505.776.580.566
18	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	15	57.174.329.333	482.761.817.670
19	Thu đòi người thứ ba		2.407.814.153	17.795.279.949
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		235.833.063	5.219.482.947
21	Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21 = 15+16+17)		(803.663.589.613)	(4.505.233.078.511)
22	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		-	116.453.892.318
23	Tăng dự phòng bồi thường		(34.918.198.938)	(11.690.746.063)
24	Trích dự phòng dao động lớn		(27.535.071.022)	(100.126.163.455)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008
25	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(167.592.430.636)	(868.965.315.020)
26	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc		(157.842.809.594)	(804.531.117.925)
27	Chi hoa hồng		(149.331.294.351)	(723.779.216.244)
28	Chi đề phòng hạn chế tổn thất		(3.480.603.786)	(42.466.695.918)
29	Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(5.030.911.457)	(38.285.205.763)
34	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(6.304.137.284)	(42.232.181.492)
39	Chi nhượng tái bảo hiểm		(3.445.483.758)	(22.202.015.603)
41	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21+22+23+24+25)		(1.033.709.290.209)	(5.369.561.410.731)
42	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh Bảo hiểm (42 = 14+41)		389.950.494.607	1.396.541.813.625
43	Chi phí bán hàng		(22.069.142.128)	(111.761.190.276)
44	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(335.750.199.835)	(1.214.858.575.036)
45	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45 = 42+43+44)		32.131.152.644	69.922.048.313
46	Thu nhập của BV Bank		34.604.043.374	-
46.1	Thu nhập lãi và các khoản tương tự		34.289.110.123	-
46.2	Thu nhập lãi từ hoạt động dịch vụ		22.932.171	-
46.3	Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối		292.001.080	-
47	Chi phí của hoạt động của BV Bank		(20.172.813.043)	-
47.1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(8.953.561.162)	-
47.2	Chi phí hoạt động dịch vụ		(13.806.792)	-
47.3	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(518.241.290)	-
47.4	Chi phí quản lý của hoạt động ngân hàng		(10.687.203.799)	-
48	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh của BV Bank (48=46+47)		14.431.230.331	
49	Chi phí quản lý doanh nghiệp ngoài hoạt động bảo hiểm và ngân hàng		(41.404.004.226)	(229.182.829.662)
50	Doanh thu hoạt động tài chính		634.151.065.281	3.293.074.253.306
51	Chi phí hoạt động tài chính		(334.423.031.548)	(2.676.612.162.993)
52	Lợi nhuận hoạt động tài chính (52 = 50+51)		299.728.033.733	616.462.090.313
53	Thu nhập hoạt động khác		5.355.857.533	23.915.073.650
54	Chi phí hoạt động khác		(1.578.613.971)	(774.475.524)
55	Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 53+54)		3.777.243.562	23.140.598.126
56	Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		5.523.262.295	22.325.023.675

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
57	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (57 = 45+48+49+52+55+56)		314.186.918.339	502.666.930.765
58	Dự phòng bảo đảm cân đối		(744.742.959)	(1.929.207.757)
60.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(27.728.674.054)	(147.692.181.049)
60.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(27.488.765.294)
61	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55+58+60.1+60.2)		285.713.501.325	325.556.776.665
62	Lợi ích của cổ đông thiểu số		7.751.108.521	(203.923.817.627)
63	Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu, Tập đoàn Bảo Việt (63 = 61-62)		277.962.392.804	529.480.594.292

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 4 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí bảo hiểm và các khoản thu khác		1.643.400.701.508	40.819.354.749.954
02	2. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ		(1.366.935.216.860)	(40.197.291.912.050)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(170.825.421.705)	(584.434.573.287)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.866.731.866)	(1.564.008.993)
05	5. Tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(105.361.906.201)	(242.228.369.694)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.207.376.766.725	1.630.536.965.961
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.601.889.620.852)	(1.915.451.376.492)
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.601.898.570.749	(491.078.524.601)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(77.489.602.109)	(124.107.687.539)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		161.049.673	2.323.098.513
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(11.510.473.837.264)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		-	21.269.751.067.704
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.713.037.795.713)	(15.154.345.927.579)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.917.139.328.021	4.324.118.237.312
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		241.200.284.499	1.266.913.794.532
28	8. Tiền ủy thác đầu tư		(170.000.000.000)	(1.584.294.826.227)
29	9. Tiền rút vốn ủy thác đầu tư		42.670.000.000	370.064.471.998
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		240.643.264.371	(1.140.051.608.550)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009	Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu			1.242.306.484.691
32	2. Tiền trả lãi cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu			5.576.221.000
33	3. Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn			198.400.000.000
34	4. Tiền trả nợ vay			(163.507.200.000)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính			(59.154.530.000)
36	6. Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số			(112.961.264.280)
	TIỀN NHẬN GÓP VỐN CỔ PHẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG			
	Tiền trả lại các nhà đầu tư và chuyển trả Bộ tài chính về thặng dư vốn thu từ cổ phần hóa			(4.298.059.929.476)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(3.187.400.218.065)
40	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.842.541.835.120	(4.818.530.351.216)
50	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	480.836.990.174	5.300.970.354.094
51	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		555.407.668	(1.603.012.704)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	2.323.934.232.962	480.836.990.174

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 4 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt là một Công ty Cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy phép kinh doanh số 010320065 ngày 15 tháng 10 năm 2007.

Tên công ty:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ:	Số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh, dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật
Vốn điều lệ:	5.730.266.050.000 đồng Việt Nam
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính (444.300.000 cổ phiếu, tương đương 77,54% vốn điều lệ) HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited (57.302.661 cổ phiếu, tương đương 10,00% vốn điều lệ) Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (20.400.000 cổ phiếu, tương đương 3,56% vốn điều lệ)
Người đại diện theo pháp luật:	Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn Bảo Việt có một trụ sở chính tại Hà Nội và hai công ty con sở hữu 100% vốn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt có trụ sở chính tại 35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ có trụ sở chính tại số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội. Tập đoàn Bảo Việt cũng có một công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVVF") có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các công ty con khác của Tập đoàn bao gồm Công ty Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank") có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVIns") có trụ sở chính tại 71 phố Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội; Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc ("Bảo Việt – Âu Lạc") có trụ sở tại Hà Liễu – Phương Liễu - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh.

Tập đoàn cũng có một đơn vị hạch toán phụ thuộc, là Trung tâm Đào tạo Bảo Việt, có trụ sở tại số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

1. CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo của Tập đoàn Bảo Việt, là công ty mẹ, và các công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cùng kỳ với báo cáo của công ty mẹ và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Tập đoàn đã lập các bút toán điều chỉnh để phản ánh ảnh hưởng, nếu có, của các khác biệt về chính sách kế toán.

Số dư các tài khoản và các giao dịch nội bộ, bao gồm các khoản lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này, được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ toàn bộ trừ khi có dấu hiệu giảm giá trị của tài sản được chuyển giao.

Các công ty con được hợp nhất từ ngày mua, là ngày mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày quyền kiểm soát đó chấm dứt. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn. Lợi ích cổ đông thiểu số được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban điều hành cam kết Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan. Tập đoàn cũng đồng thời áp dụng chính sách kế toán cho việc ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu khác và dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất từ việc không thu hồi được số dư nợ tại ngày lập báo cáo. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tập đoàn sử dụng tỷ lệ trích lập dự phòng theo quy định tại thông tư 13/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính như sau:

<i>Tuổi nợ</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Từ ba tháng đến một năm	30%
Từ một đến hai năm	50%
Từ hai đến ba năm	70%

4.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của công ty mẹ.

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn này theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003.

4.5 Khấu hao và phân bổ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
TSCĐ khác	4 năm

4.6 Đầu tư tài chính***Đầu tư vào các công ty con***

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo của Tập đoàn, đơn vị thực hiện chức năng quản lý hành chính chung và chức năng đầu tư cho toàn bộ Tập đoàn và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con được lập cùng kỳ với báo cáo của công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán. Tập đoàn đã lập các bút toán điều chỉnh để phản ánh ảnh hưởng, nếu có, của các khác biệt về chính sách kế toán.

Số dư các tài khoản và các giao dịch nội bộ, bao gồm các khoản lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này, được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ toàn bộ trừ khi có dấu hiệu giảm giá trị của tài sản được chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.6 Đầu tư tài chính (tiếp theo)***Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)*

Các công ty con được hợp nhất từ ngày mua, là ngày mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày quyền kiểm soát đó chấm dứt. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong các công ty con được hợp nhất không nắm giữ bởi Tập đoàn.

Danh sách các công ty con của Tập đoàn được trình bày trong thuyết minh số 8.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh (thông thường là các công ty mà Tập đoàn sở hữu từ 20% đến 50% quyền biểu quyết). Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ công ty liên kết phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng ngày với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết cũng tương đồng với chính sách kế toán của Tập đoàn đối với các giao dịch và các sự kiện trong các hoàn cảnh tương tự.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày trong thuyết minh số 8.

Đầu tư vào các cơ sở kinh doanh và hoạt động đồng kiểm soát

Đầu tư của Tập đoàn vào các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm việc ghi nhận phần sở hữu Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đầu tư của Tập đoàn tại các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trên tài sản thuần của các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Lợi ích của Tập đoàn đối với các hoạt động đồng kiểm soát được ghi nhận trên các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- a) tài sản mà Tập đoàn kiểm soát và công nợ phát sinh của Tập đoàn; và
- b) các chi phí phát sinh của Tập đoàn và phần lợi nhuận Tập đoàn thu được từ hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát.

Danh sách các cơ sở kinh doanh hay các hoạt động chủ yếu mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được trình bày trong thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.6 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1")

Tập đoàn đã đầu tư, trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con sở hữu 100% vốn, vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1"). Tổng số vốn đầu tư của Tập đoàn vào Quỹ BVF1 chiếm 91,58% tổng số vốn của Quỹ vào thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2009. Quỹ BVF1 được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá chứng khoán là phần vượt trội của giá trị ghi sổ so với giá trị thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tập đoàn trích lập dự phòng các khoản cho vay theo các điều khoản quy định tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và các sửa đổi bổ sung quy định tại quyết định 18/2007/ QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập theo Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính và các quy định liên quan.

4.7 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu. Theo quy định, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 15% trên mức lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.8 Dự phòng trợ cấp mất việc làm (tiếp theo)**

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc:

- ▶ *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có).
- ▶ *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù các nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và Điều 17 như nêu trên là bắt buộc, việc chấp hành các quy định trên còn phụ thuộc vào các quy định chi tiết của Bộ Tài chính tại các thông tư hướng dẫn. Theo quy định tại thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và sau đó là Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003, các công ty được hạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở từ 1% đến 3% quỹ lương cơ bản và tổng số dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây được trích lập từ 10% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 64/1999/TT-BTC sẽ được chuyển sang dự phòng trợ cấp thôi việc như quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được hạch toán trên cơ sở từ 1% đến 3% quỹ lương cơ bản vào cuối mỗi năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo tinh thần của Thông tư 82/2003/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2003 hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Từ ngày 1/1/2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm Xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp thôi việc bắt buộc nêu trên sẽ được thay thế bằng trợ cấp thất nghiệp. Hiện chưa có quy định chi tiết về vấn đề trích lập và hạch toán dự phòng cho loại trợ cấp này, nên Tập đoàn vẫn duy trì cách thức trích lập và hạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC.

4.9 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 quy định chế độ tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng toán học
Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng bồi thường
Dự phòng chia lãi
Dự phòng đảm bảo cân đối

Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng bồi thường
Dự phòng dao động lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu phí bảo hiểm gốc**Bảo hiểm phi nhân thọ*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 156”). Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí.

Bảo hiểm nhân thọ

Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thực thu. Phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc dự thu. Phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu chỉ trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được đảm bảo bằng giá trị giải ước của hợp đồng và được trình bày ở phần “Phải thu phí bảo hiểm gốc” trên Bảng Cân đối kế toán. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần “Phí bảo hiểm trả trước” trên Bảng Cân đối kế toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thường hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v. được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.11 Ghi nhận chi phí***Chi bồi thường và chi trả đáo hạn*

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Hoa hồng

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm thực thu.

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính với tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thi hành nghị định 45/2007/ND-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về luật kinh doanh Bảo hiểm.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm*(i) Nhượng tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.13 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm** (tiếp theo)*(ii) Nhận tái bảo hiểm*Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

4.14 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm đã đóng phí tối thiểu hai (2) năm có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng của hợp đồng bảo hiểm. Tạm ứng từ giá trị giải ước được ghi nhận theo giá gốc.

4.15 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.15 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.16 Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ.

4.17 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

4.18 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Tiền mặt tại quỹ	44.778.910.833	43.079.323.530
Tiền gửi ngân hàng	473.266.117.403	381.733.105.284
Tiền đang chuyển	655.572.897	1.024.561.360
Các khoản tương đương tiền	1.805.233.631.829	55.000.000.000
Tổng tiền và các khoản tương đương tiền	2.323.934.232.962	480.836.990.174

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009, trong số các khoản tương đương tiền có 1.600.172.861.829 đồng là các khoản tương đương tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn từ 01 đến 03 tháng và 205.060.770.000 đồng là các khoản tương đương tiền tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2009 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Công trình xây dựng dở dang tại các chi nhánh của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	144.853.083.554	27.788.700.154
Công trình xây dựng dở dang tại các chi nhánh của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	152.697.445.249	142.070.392.772
Công trình xây dựng dở dang của Trụ sở chính Tập đoàn Bảo Việt	143.044.618.252	125.419.242.099
Phần mềm đang phát triển tại Trụ sở chính Tập đoàn Bảo Việt	4.299.981.803	4.260.747.203
	<u>444.895.128.858</u>	<u>299.539.082.228</u>

7. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư ủy thác vào khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Địa, Cửa Cường, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân - Xã Quang Minh - huyện Mê Linh - Thành phố Hà Nội.

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**8.1. Đầu tư vào các công ty con**

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009, Tập đoàn có các công ty con như sau:

<i>Công ty nhận đầu tư</i>	<i>Tổng số vốn điều lệ</i>	<i>Vốn đầu tư cam kết</i>	<i>%</i>	<i>Vốn đầu tư thực tế</i>
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	100%	1.500.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.500.000.000.000	780.000.000.000	52,00%	780.000.000.000
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	50.000.000.000	50.000.000.000	100%	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	451.500.000.000	270.507.460.000	59,91%	694.895.148.720
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	1.000.000.000.000	915.849.777.434	91,58%	915.849.777.434
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVIns")	100.000.000.000	97.995.500.000	97,99%	97.995.500.000
Công ty TNHH Bảo Việt Âu Lạc	60.660.000.000	36.396.000.000	60,00%	36.393.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)**8.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ là hai công ty con mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của các công ty con này đều đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF") là công ty con mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn, được thành lập vào ngày 22 tháng 8 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tập đoàn và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 đồng Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của công ty con này đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC") được thành lập ở Việt Nam có trụ sở chính tại Hà Nội và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, môi giới, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành cổ phiếu, tư vấn và lưu ký chứng khoán. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã được hợp nhất toàn bộ trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt là 450.000.000.000 đồng, tuy nhiên thực hiện chương trình ESOP của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã nâng lên 451.500.000.000 đồng, đồng thời giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt từ 60,11% xuống còn 59,91%.

Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt ("BVF1") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 02/UBCK-TLQTV cấp ngày 19/7/2006 do Ủy Ban Chứng khoán nhà nước cấp. Thời gian hoạt động của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam tại công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của quỹ đầu tư này đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF"), là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2009, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VND	% trên vốn điều lệ VND
Đầu tư trực tiếp của Công ty mẹ	94.190.239.694	9,42%
Đầu tư gián tiếp của các Công ty con	821.659.537.741	82,16%
<i>Bảo Việt Nhân thọ</i>	601.214.295.907	60,12%
<i>Bảo hiểm Bảo Việt</i>	220.445.241.834	22,04%
	915.849.777.435	91,58%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)**8.1. Đầu tư vào các công ty con** (tiếp theo)

Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank") có trụ sở chính tại Số 8 Phố Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội là công ty con được Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 52% vốn điều lệ, được thành lập vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giấy phép kinh doanh số 0103034012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008. Vốn điều lệ của Baoviet Bank là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại Cổ phần Bảo Việt đã được hợp nhất toàn bộ trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVIns") được thành lập ở Việt Nam có trụ sở chính tại Hà Nội và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã được hợp nhất toàn bộ trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc ("Bảo Việt – Âu Lạc") được thành lập ở Việt Nam có trụ sở chính tại Bắc Ninh và hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nghề. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2009, các báo cáo tài chính của Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc đã được hợp nhất toàn bộ trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

8.2. Đầu tư vào các công ty liên kết, công ty đồng kiểm soát

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009, các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và hoạt động đồng kiểm soát bao gồm:

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Công ty Cổ phần khách sạn du lịch Bảo Việt	7.400.000.000	7.400.000.000
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế	192.163.272.320	186.640.010.026
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGIBA	39.000.000.000	39.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Long Việt	21.405.085.041	21.405.085.041
	<u>259.968.357.361</u>	<u>254.445.095.067</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)**8.2. Đầu tư vào các công ty liên kết, công ty đồng kiểm soát** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và hoạt động đồng kiểm soát vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 như sau:

<i>Công ty nhận đầu tư</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Vốn góp cam kết</i>	<i>%</i>	<i>Vốn đã góp</i>	<i>Vốn chưa góp</i>
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	30.000.000.000	10.500.000.000	35,00%	7.400.000.000	3.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBEA	180.000.000.000	39.000.000.000	21,67%	39.000.000.000	-
Công ty liên doanh					
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế "VIA" (quyền kiểm soát 50%)	300.000.000.000	153.000.000.000	51,00%	153.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Long Việt	9.916.540.000	4.462.440.000	45,00%	4.462.440.000	-
Góp vốn dự án Quang Minh	40.000.000.000	14.000.000.000	35,00%	14.000.000.000	-
				217.862.440.000	

Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam ("VIA")

VIA được thành lập tại Việt Nam, có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm. Đây là liên doanh giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam trước đây (nay là Tập đoàn Bảo Việt) và Công ty TNHH Millea Asia được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 1639/GPĐC1 ngày 19 tháng 12 năm 1997, Giấy phép Sửa đổi số 1639/GPĐC2 ngày 20 tháng 3 năm 1999 và Giấy phép Đầu tư sửa đổi số 1639/GPĐC3 ngày 24 tháng 02 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành có thời hạn 25 năm. Vốn điều lệ của Công ty là 6.200.000 đô la Mỹ đã được đóng góp đầy đủ bởi các bên liên doanh. Tập đoàn nắm 51% vốn chủ sở hữu trong công ty liên doanh này.

Trước ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế hạch toán trên đồng USD, ngày 01 tháng 01 năm 2008 sau khi được phép của Bộ Tài chính, Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế (VIA) đã chính thức chuyển đổi đơn vị tiền tệ để hạch toán kế toán sang đồng Việt Nam đồng thời nâng vốn điều lệ lên 300.000.000.00 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

8.2 Đầu tư vào các công ty liên kết, công ty đồng kiểm soát (tiếp theo)

Công ty Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam ("VIA") (tiếp theo)

Tập đoàn hiện đang ghi nhận khoản mục đầu tư vào VIA theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Chi tiết tăng giảm của nguồn đầu tư này trong kỳ là:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VND	VND
Số đầu kỳ	186.640.010.026	73.005.937.584
Tăng vốn	-	118.129.464.000
Phần thụ hưởng lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	(23.545.704.964)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đồng tiền hạch toán từ USD sang Việt nam đồng	-	1.311.504.752
Lợi nhuận trong kỳ thuộc về Tập đoàn Bảo Việt	5.523.262.294	17.738.808.654
Số cuối kỳ	192.163.272.320	186.640.010.026

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được thành lập ở Việt Nam, có trụ sở chính tại Phan Thiết và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và du lịch. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2007, các báo cáo tài chính của công ty con này đã được hợp nhất toàn bộ vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Tháng 12 năm 2007, Tập đoàn bán đi một số cổ phần tại Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt; tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn đối với Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt giảm từ 55% xuống 35%. Hiện tại Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt là một công ty liên kết của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đầu tư và Xây dựng Long Việt ("Long Việt") và dự án Quang Minh

	Ngày 31 tháng 03 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VND	VND
Số đầu kỳ	21.290.955.772	20.290.955.772
Cổ tức được chia	-	(2.160.581.000)
Phần thụ hưởng của lợi nhuận giữ lại	-	3.274.710.269
Số cuối kỳ	21.405.085.041	21.405.085.041

Nguồn đầu tư vào Long Việt và dự án Quang Minh được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn của các Tổ chức tín dụng khác tại Ngân hàng Bảo Việt		
- Tiền Việt Nam đồng	407.000.000.000	-
- Vàng và Ngoại tệ	16.954.000.000	-
	423.954.000.000	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo Việt Nhân thọ	61.052.631.456	64.406.563.491
Bảo hiểm Bảo Việt	629.807.981.722	472.236.477.811
	690.860.613.178	536.643.041.302
Phải trả hoạt động tài chính		
Phải trả hoạt động tài chính	10.594.931.354	8.900.502.913
Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	906.231.683.593	-
- Tiền gửi không kỳ hạn VND	126.432.418.730	-
- Tiền gửi có kỳ hạn VND	777.974.929.693	-
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng và ngoại tệ	1.824.335.170	-
	916.826.614.947	8.900.502.913
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ	2.000.001	29.220.082.396
	1.607.689.228.126	574.763.626.611

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	271.941.933.206	153.633.028.367
Phải trả cổ tức cho năm tài chính đầu tiên của Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Đại hội đồng Cổ đông Tập đoàn Bảo Việt thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2009 tại Nghị quyết số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ	573.266.050.000	-
	845.207.983.206	153.633.028.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần VND</i>	<i>Cổ phiếu quỹ VND</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá VND</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính VND</i>	<i>Quỹ dự trữ bắt buộc VND</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31/12/2008	5.730.266.050.000	1.840.007.252.773	901.691.533	16.075.608.000	8.609.458.421	8.609.458.421	17.067.266.899	643.474.381.906	8.265.011.167.953
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	277.962.392.804	277.962.392.804
Phân chia lợi nhuận sang các quỹ khác	-	-	-	-	-	-	2.354.685.837	(2.354.685.837)	-
Phân chia lợi nhuận sang quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(6.783.686.791)	(6.783.686.791)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(573.266.050.000)	(573.266.050.000)
Tăng (giảm) khác trong kỳ	-	(1.759.631.629)	(901.691.533)	276.896.941	(28.602.852)	(28.602.852)	-	(67.446.905.291) ¹	(69.888.537.216)
Tại ngày 31/03/2009	5.730.266.050.000	1.838.247.621.144	-	16.352.504.941	8.580.855.569	8.580.855.569	19.421.952.736	271.585.446.791	7.893.035.286.750

¹ Trong đó có 2.718.528.866 đồng là do thực hiện ESOP tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) nên đã thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại BVSC và các khoản lợi tức đã trả của Quỹ BVF1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

13. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.011.411.262.565	263.642.762.565
Thặng dư vốn cổ phần	353.203.048.053	351.443.416.424
Cổ phiếu quỹ	-	598.308.467
Quỹ đầu tư phát triển	5.741.323.529	5.712.720.677
Quỹ dự phòng tài chính	5.741.323.529	5.712.720.677
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	255.597.176	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(137.103.783.210)	(137.750.806.910)
	<u>1.239.248.771.642</u>	<u>489.359.121.900</u>

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 31 tháng 03 năm 2009 do Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt và Công ty TNHH Bảo Việt Âu Lạc đã được hợp nhất toàn bộ vào Báo cáo Tài chính của Tập đoàn Bảo Việt nên đã nâng lợi ích của cổ đông thiểu số tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2009 so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 khi Tập đoàn chưa thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Bảo Việt Âu Lạc và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt chưa đi vào hoạt động chính thức.

14. DOANH THU**14.1 Thu phí bảo hiểm gốc**

	<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Bảo hiểm nhân thọ	856.045.748.913	4.153.482.331.734
<i>Cộng:</i>		
<i>Hoàn phí</i>	<u>212.102.723</u>	<u>12.681.953.897</u>
	<u>856.257.851.636</u>	<u>4.166.164.285.631</u>
Bảo hiểm phi nhân thọ	866.112.167.468	3.947.996.823.652
	<u>1.722.370.019.104</u>	<u>8.144.161.109.283</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

14. DOANH THU (tiếp theo)**14.2 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm**

<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
---	---

24.955.369.185**166.511.215.608****14.3 Các khoản giảm trừ doanh thu**

<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
---	---

Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm

246.018.721.309

1.227.008.992.121

Giảm phí

343.289.867

2.491.950.484

Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ

343.289.867

2.491.950.484

Hoàn phí

12.021.671.344

40.240.327.242

Hoạt động bảo hiểm nhân thọ

212.102.723

12.681.953.897

Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ

11.809.568.621

27.558.373.345

Tổng cộng các khoản giảm trừ

258.383.682.520

1.269.741.269.847

15. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**15.1 Chi bồi thường và chi trả đáo hạn**

<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
---	---

Bảo hiểm nhân thọ

536.857.038.435

3.033.056.737.959

Bảo hiểm phi nhân thọ

320.084.580.271

1.917.568.288.406

856.941.618.706**4.950.625.026.365****15.2 Hoạt động tái bảo hiểm**

<i>Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009 VND</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
---	---

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

6.539.947.456

60.384.632.712

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

57.174.329.333

482.761.817.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

15. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**15.3 Dự phòng nghiệp vụ**

	<i>Dự phòng phí chưa được hưởng VND</i>	<i>Dự phòng bồi thường VND</i>	<i>Dự phòng dao động lớn VND</i>	<i>Dự phòng toán học VND</i>	<i>Dự phòng chia lãi VND</i>	<i>Dự phòng đảm bảo cân đối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Bảo hiểm nhân thọ							
Vào ngày 31/12/2008	662.107.448.439	5.016.845.700	-	12.092.010.244.444	530.846.019.579	12.181.203.919	13.302.161.762.081
Trích lập dự phòng	55.000.000.000	500.000.000	-	246.068.000.000	50.000.000.000	-	351.568.000.000
Vào ngày 31/03/2009	717.107.448.439	5.516.845.700	-	12.338.078.244.444	580.846.019.579	12.181.203.919	13.653.729.762.081
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Vào ngày 31/12/2008	1.148.020.334.546	894.871.686.038	95.439.760.649	-	-	-	2.138.331.781.233
Trích lập dự phòng	43.168.709.179	34.418.198.938	27.535.071.022	-	-	-	105.121.979.139
Vào ngày 31/03/2009	1.191.189.043.725	929.289.884.976	122.974.831.671	-	-	-	2.243.453.760.372
Tổng cộng vào ngày 31/12/2008	1.810.127.782.985	899.888.531.738	95.439.760.649	12.092.010.244.444	530.846.019.579	12.181.203.919	15.440.493.543.314
Tổng cộng tại ngày 31/03/2009	1.908.296.492.164	934.806.730.676	122.974.831.671	12.338.078.244.444	580.846.019.579	12.181.203.919	15.897.183.522.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2009 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2009

16. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 25 tháng 04 năm 2009, Đại hội đồng Cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành phen họp thường niên năm 2009 và đã phê duyệt nghị quyết số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ, việc phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm tài chính đầu tiên (từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008) của Đại hội đồng Cổ đông đã được điều chỉnh trong báo cáo tài chính Quý I của Tập đoàn Bảo Việt. Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 04 năm 2009